

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
CỤC THỂ DỤC THỂ THAO

THUYẾT MINH  
DỰ THẢO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN TRANG  
THIẾT BỊ SỬ DỤNG TẠI CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG MÔN LẶN BIỂN THỂ THAO

Hà Nội – 2024

# THUYẾT MINH DỰ THẢO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

## 1. Ký hiệu và Tên gọi QCVN

QCVN xxx:2024: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động Lặn biển thể thao (National technical regulation on safety for equipment used at sports diving training and competition establishments)

## 2. Ban Biên soạn

1. Ông Trần Lê Minh, Chánh Văn phòng Cục Thể dục thể thao - Trưởng ban.
2. Ông Đặng Danh Tuấn, Phó trưởng phòng Thể dục thể thao cho mọi người - Phó Trưởng ban.
3. Ông Ngô Hoàng Giang, Phó Chánh Văn phòng - Phó Trưởng ban.
4. Bà Trần Thị Kim Oanh, Chuyên viên Phòng Kế hoạch, Tài chính - Thành viên.
5. Ông Nguyễn Trọng Toàn, Phó Chủ tịch Hiệp hội Thể thao dưới nước - Thành viên.
6. Ông Nguyễn Văn Hùng, Chuyên viên Vụ Pháp chế, Bộ VHTTDL - Thành viên.
7. Ông Nguyễn Minh Thư, Trưởng phòng Thử nghiệm Không phá hủy - An toàn công nghiệp - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 - Thành viên.
8. Bà Mần Thùy Giang, Trưởng phòng chứng nhận, Viện Tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam - Thành viên.
9. Ông Mai Hoàng Kiên Kha, Công ty TNHH Cầu Vòng Việt Nam (Nha Trang, Khánh Hòa) - Thành viên
10. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên, Viện Khoa học TDTT - Thành viên.
11. Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Viện Khoa học công nghệ Thể dục thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng - Thành viên.
12. Ông Bùi Văn Sỹ, Phòng Thể dục thể thao cho mọi người - Thành viên.
13. Bà Nguyễn Thị Vân Anh, Văn phòng Cục TDTT - Thành viên.
14. Bà Hồ Thị Phương Loan, Văn phòng Cục TDTT - Thành viên.
15. Ông Nguyễn Kim Hoan, Văn phòng Cục TDTT - Thư ký.

## 3. Tình hình đối tượng quy chuẩn kỹ thuật trong nước và ngoài nước

**3.1. Thực trạng quản lý nhà nước và mức độ rủi ro của đối tượng xây dựng QCVN trong và ngoài nước.**

**3.1.1. Tình hình đối tượng quản lý nhà nước về đối tượng QCVN**

Trong những năm qua ngành TDTT đã có nhiều đề tài cấp Bộ, Nhà nước tập trung về các mặt trong lĩnh vực TDTT, song vẫn chưa đáp ứng được với yêu cầu của ngành cũng như chưa theo kịp với xu thế phát triển khoa học công nghệ hiện đại, một trong những vấn đề còn bỏ ngỏ và chậm trễ chính là xây dựng QCVN cho các trang thiết bị thuộc lĩnh vực TDTT. Thực tế hoạt động về xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật ở quốc tế và khu vực trong các lĩnh vực quản lý chuyên ngành có liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rất đa dạng do trình độ phát triển và đặc thù văn hóa, xã hội của mỗi nước. Song, có thể nhận thấy rằng việc xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật (Technical Regulation) ở các nước được thực hiện trên nguyên tắc nhằm đạt được sự cân bằng cần thiết về quyền lợi giữa nhà nước, nhà sản xuất - chế tạo, nhà phân phối, xuất nhập khẩu và người tiêu dùng căn cứ vào sự phân tích rủi ro khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ và bảo vệ người tiêu dùng.

Các thiết bị lặn biển thể thao được sử dụng rộng rãi tại các cơ sở hoạt động lặn biển thể thao giải trí từ quốc tế đến trong nước. Các thiết bị này được nhập khẩu, phân phối và bán lẻ khá phổ biến trên thị trường Việt Nam do nhu cầu tập luyện phục vụ cho nhu cầu rèn luyện sức khỏe cho nhân dân. Việc cung cấp và sử dụng trang thiết bị này ở nước ta cho đến nay vẫn chưa có quy định cụ thể. Cả nước có hàng trăm cửa hàng, trang web quảng cáo bán các thiết bị lặn biển nhưng hoàn toàn không có thông tin về tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong khi đó việc mở các cơ sở hoạt động lặn biển thể thao cũng rất đơn giản chỉ cần có mặt bằng, có hướng dẫn viên và trang thiết bị.

Thực tế, hầu hết các cơ sở hoạt động kinh doanh các tour du lịch biển lặn ngắm san hô là tự phát; hướng dẫn viên, thuyết minh viên cho các tour du lịch biển đảo chủ yếu là ngư dân địa phương, chưa được đào tạo và cấp chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ về du lịch; loại hình lặn biển, ngắm san hô theo hình thức thô sơ (chỉ có kính lặn và vòi hơi), thiếu các trang, thiết bị, dụng cụ lặn biển cho khách lặn. Tại các khu vực lặn biển, tình trạng thiếu hệ thống khoanh vùng, cảnh báo (phao tiêu, biển báo), cũng như khu vực tập kết phương tiện thủy và neo đậu phương tiện thủy cũng tương đối phổ biến. Đặc biệt, người hướng dẫn không có giấy chứng nhận chuyên môn, nghiệp vụ do Tổng cục TDTT (nay là Cục TDTT) hoặc Hiệp hội Thể thao dưới nước Việt Nam hay tổ chức lặn biển thể thao giải trí nước ngoài cấp và được Cục TDTT công nhận, chứng nhận. Điều này đã làm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cũng như gây ra nhiều khó khăn đối với công tác quản lý hoạt động lặn biển thể thao của các địa phương.

Lặn biển là môn thể thao mạo hiểm dưới nước và có nhiều rủi ro. Có 2 hình thức lặn chủ yếu là: lặn có thiết bị hỗ trợ thở (scuba), lặn không có thiết bị hỗ trợ thở (freedive). Trang bị cho một thợ lặn scuba bao gồm: Chân vịt (fins), mặt kính (mask), quần áo lặn (wetsuit), thiết bị cân bằng độ nổi (BCD), thiết bị điều chế thở (regulator octopus), dây chì (weight), bình dưỡng khí (tank)... Trang bị cho một thợ lặn freedive bao gồm: Chân vịt (fins), mặt kính (mask), quần áo lặn (wetsut), dây chì (weight)... Ngoài ra, trang thiết bị bắt buộc phải có của cơ sở hoạt động lặn biển và các thiết bị cá nhân dành cho người hướng dẫn, người tham gia hoạt động lặn biển còn gồm máy nén khí, bình khí nén, bình ô xy, đồng hồ

định vị, đồng hồ đo áp lực, đồng hồ đo độ sâu, đồng hồ đo nhiệt độ, đồng hồ đo thời gian lặn, hệ thống van, đường ống dẫn khí đến miệng thở, phao cứu sinh. Hiện chưa có văn bản nào quy định về điều kiện trang, thiết bị đối với từng loại hình lặn biển mà cơ sở hoạt động kinh doanh, dịch vụ lặn biển cần phải đáp ứng.

- Hiện nay, tại Việt Nam có Công ty Cổ phần Viet Divers hoạt động dưới hình thức một câu lạc bộ lặn biển tại TP Hồ Chí Minh, thành lập từ tháng 3/2013 bởi những thợ lặn và chuyên viên lặn người Việt. Đây là công ty tiên phong tại TP Hồ Chí Minh về quảng bá lặn biển giải trí an toàn và tuân theo tiêu chuẩn quốc tế PADI. Trung Tâm Lặn Rumblefish Viet Nam là trung tâm lặn lớn nhất tại Sài Gòn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế 5 sao của hệ thống lặn PADI (áp dụng tiêu chuẩn hải quân Mỹ) DIVE CENTER 5 STAR PADI. Trung tâm lặn Rumblefish Viet Nam được cấp giấy phép hoạt động đào tạo thợ lặn chuyên nghiệp và bài bản nhất với tiêu chuẩn áp dụng trong hải quân Mỹ. Huấn luyện viên đào tạo dạy lặn từ cấp độ đầu tiên nhập môn SCUBA lặn biển cho đến các cấp độ chuyên nghiệp như dive master, instructor....

Ngoài ra, còn có một số công ty hoạt động trong lĩnh vực lặn thể thao giải trí biển tại các vùng biển đẹp của Việt Nam như: Rainbow Divers Viet Nam, Hoi An Diving Centre - Blue Coral Diving, Cham Island Diving - Hội An, Da Nang Scuba Diving Center.

- Trên thị trường, hiện nay các cơ sở trong nước sử dụng các thiết bị lặn chủ yếu là từ nguồn hàng ngoại nhập (Mỹ, Italia, châu Âu, Đài Loan...). Bên cạnh đó, một số cơ sở sản xuất và gia công trong nước chỉ cung cấp sản phẩm hỗ trợ như chì thể...

Hiện nay, có trên 20 Công ty cung cấp thiết bị lặn như Công ty Scuba Supply Vietnam; Công Ty TNHH Sửa Chữa Tàu và Các Công Trình Ngâm DHL; Công Ty TNHH Lặn, Nạo Vét Giang Đạt Quảng Châu; Công Ty TNHH Liên Thành; Công Ty TNHH Lặn Trục Vớt Duyên Hải.

- Đối với môn Lặn biển thể thao, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối mới môn Lặn biển thể thao giải trí, Tại Điều 3. **Cơ sở vật chất** quy định: 1/Khu vực lặn biển phải có đầy đủ hệ thống phao tiêu, biển báo được định vị phù hợp với tọa độ trên hải đồ. Phao tiêu, biển báo phải có màu sắc tương phản với màu nước và cảnh quan môi trường để dễ quan sát. 2/Có phương tiện thủy nội địa vận chuyển chuyên người lặn biển, người hướng dẫn tập luyện, nhân viên cứu hộ và các trang thiết bị, dụng cụ môn Lặn biển thể thao giải trí. 3/Có khu vực tập kết phương tiện thủy nội địa và neo đậu phương tiện thủy nội địa. 4/Có phòng thay đồ, gửi đồ, nhà tắm, khu vực vệ sinh cho người lặn biển; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế. 5/Có sổ theo dõi người lặn biển bao gồm những nội dung chủ yếu: Họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, tình trạng sức khỏe của người lặn biển, địa chỉ và số điện thoại liên hệ khi cần thiết. 6/Có bảng nội quy lặn biển quy định nội dung chủ yếu: Giờ tập luyện, các đối tượng không được tham gia, trang phục khi tham gia, biện pháp đảm bảo an toàn. Tại **Điều 4. Trang thiết bị** quy định: 1/Trang bị bảo hộ cá nhân

dành cho người lặn biển và người hướng dẫn tập luyện: Máy nén khí, bình khí nén, bình ô xy, đồng hồ định vị, đồng hồ đo áp lực, đồng hồ đo độ sâu, đồng hồ đo nhiệt độ, đồng hồ đo thời gian lặn, quần áo lặn, thắt lưng chì, chân vịt, kính lặn, ống thở, hệ thống van, đường ống dẫn khí đến miệng thở, phao cứu sinh. 2/Hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo kết nối liên tục giữa trung tâm tìm kiếm, cứu nạn của địa phương hoặc của quốc gia với các khu vực hoạt động trong phạm vi quản lý của cơ sở. Tại **Điều 5. Bảo đảm an toàn** quy định: 1/Khi có người lặn dưới biển, phương tiện thủy nội địa tổ chức hoạt động lặn biển phải treo cờ hiệu để báo hiệu đảm bảo an toàn cho người lặn biển. 2/Người hướng dẫn tập luyện phải hướng dẫn người lặn biển biết cách thức sử dụng bình khí, các thiết bị lặn, sử dụng phao cứu sinh và cách thức lặn. 3/Người lặn biển có trách nhiệm khai báo tình trạng sức khỏe theo quy định của cơ sở thể thao và chịu trách nhiệm về khai báo của mình. Tại **Điều 6. Mật độ hướng dẫn tập luyện** quy định: Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 01 người lặn biển trong một lần lặn.

Tuy nhiên hệ thống văn bản quy phạm trên chưa quy định cụ thể các trang thiết bị lặn thể thao phải có giấy Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, được đăng ký và thực hiện việc kiểm định về chất lượng an toàn kỹ thuật theo quy định của pháp luật hiện hành; các quy định về mức giới hạn đối với các chỉ tiêu kỹ thuật và các yêu cầu về quản lý an toàn đối với các thiết bị Lặn biển thể thao.

- Từ năm 2020, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai thực hiện xây dựng 13 TCVN về đào tạo thợ lặn và người hướng dẫn, trong đó xác định các tiêu chuẩn đào tạo tối thiểu cho hai cấp độ của thợ lặn giải trí, cho người hướng dẫn lặn giải trí và các chương trình hướng dẫn lặn biển theo phương thức chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO, gồm:

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với các chương trình giới thiệu lặn khí tài (Recreational diving services - Requirements for introductory programmes to scuba diving).

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đào tạo thợ lặn khí tài với mục đích giải trí - Phần 1: Cấp 1 - Thợ lặn có hướng dẫn (Recreational diving services - Requirements for the training of recreational scuba divers - Part 1: Level 1 - Supervised diver).

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu an toàn tối thiểu trong đào tạo thợ lặn khí tài với mục đích giải trí - Phần 2: Cấp độ 2 - Thợ lặn độc lập - tự giám sát (Recreational diving services - Safety related minimum requirements for the training of recreational scuba divers - Part 2: Level 2 - Autonomous diver).

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đào tạo thợ lặn khí tài với mục đích giải trí - Phần 3: Cấp độ 3 – Người hướng dẫn lặn (Recreational diving services - Requirements for the training of recreational scuba divers - Part 3: Level 3 - Dive leader).

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đào tạo hướng dẫn viên lặn khí tài - Phần 1: Cấp 1 (Recreational diving services - Requirements for the training of scuba instructors - Part 1: Level 1).

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đào tạo hướng dẫn viên lặn khí tài - Phần 2: Cấp độ 2 (*Recreational diving services - Requirements for the training of scuba instructors - Part 2: Level 2*)

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với chương trình đào tạo sử dụng bình nén khí làm giàu oxy (enriched air nitrox - EAN) (*Recreational diving services - Requirements for training programmes on enriched air nitrox (EAN) diving*)

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với việc tổ chức lặn ống thở giải trí (*Recreational diving services - Requirements for the conduct of snorkelling excursions*).

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với đào tạo hướng dẫn lặn ống thở giải trí (*Recreational diving services - Requirements for the training of recreational snorkelling guides*).

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với chương trình đào tạo người thực hiện trộn khí nén hỗn hợp (*Recreational diving services - Requirements for gas blender training programmes*).

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với nhà cung cấp dịch vụ lặn giải trí (*Recreational diving services - Requirements for recreational diving providers*).

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu và chỉ dẫn thực hành đảm bảo môi trường bền vững trong lặn giải trí (*Recreational diving services - Requirements and guidance on environmentally sustainable practices in recreational diving*).

+ Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với đào tạo về ý thức môi trường cho thợ lặn giải trí (*Recreational diving services - Requirements for training on environmental awareness for recreational divers*).

### **3.1.2. Thực trạng về mức độ rủi ro của đối tượng xây dựng QCVN trong và ngoài nước**

Đánh giá rủi ro bao gồm hoạt động nghiên cứu mang tính giả định khách quan đối với những vấn đề không mong muốn có thể xảy ra, nhân lực không đáp ứng đủ cũng ảnh hưởng đến việc kiểm tra chất lượng hàng hóa, đồng thời phải xác định đến độ không chắc chắn đối với những giả định đã xác định. Do vậy, khó khăn nhất trong hoạt động đánh giá rủi ro là xác định chính xác mức độ, khối lượng, số lượng của các rủi ro giả định, các hậu quả khi xảy ra và xác suất xảy ra rủi ro và phải dựa vào doanh nghiệp để đánh giá. Như vậy, về mặt lý thuyết, nguy cơ sai sót trong việc định lượng chính xác các yếu tố là lớn. Rủi ro tiềm ẩn một tổn thất lớn và một xác suất xảy ra thấp thường được xem xét khác với những rủi ro tiềm ẩn tổn thất nhỏ và xác suất xảy ra cao. Về mặt lý thuyết, cả hai đều là ưu tiên tương đương, nhưng trong thực tế để quản lý, đánh giá các loại rủi ro này thường mang tính chủ quan và phụ thuộc vào tiềm lực kinh tế.

Mức độ phức tạp của các hệ thống đánh giá rủi ro phụ thuộc vào cấp độ an toàn và độ tin cậy của công nghệ khi liên quan đến các mối nguy đe dọa đến con người, môi trường hoặc các hoạt động khác. Các ngành công nghiệp hạt nhân, hàng không vũ trụ, dầu khí, đường sắt và quân sự có một lịch sử lâu đời trong việc

nghiên cứu và đánh giá rủi ro. Bên cạnh đó, ngành y tế, bệnh viện, dịch vụ xã hội và các ngành công nghiệp khác (công nghiệp thực phẩm) đã áp dụng các cơ chế, hệ thống đánh giá rủi ro trên cơ sở liên tục cải tiến. Tùy thuộc vào đặc thù ngành mà phương án đánh giá rủi ro có thể khác nhau tuy nhiên nó đều liên quan đến các yếu tố về tài chính hoặc rủi ro đối với sức khỏe, môi trường hay sinh thái.

Theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, chất lượng của sản phẩm, hàng hoá được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Căn cứ vào khả năng gây mất an toàn, sản phẩm, hàng hoá được quản lý nguyên tắc: Sản phẩm, hàng hoá được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng. Việc xác định sản phẩm, hàng hoá thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn căn cứ vào: Khả năng gây mất an toàn có thể xảy ra của sản phẩm, hàng hoá và yêu cầu khả năng quản lý nhà nước trong từng thời kỳ. Đồng thời, khả năng gây mất an toàn có thể xảy ra của sản phẩm, hàng hoá được xác định dựa trên một hoặc những yếu tố: bản chất hoá học, vật lý, sinh học, kết cấu, nguyên lý hoạt động và quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng.

Đối với đơn vị nhập khẩu: Các tiêu chí an toàn trong QCVN đều được các đơn vị, doanh nghiệp nhập khẩu đều đáp ứng theo các quy định, yêu cầu trong nhập khẩu các trang thiết bị TDDT nói chung và thiết bị lặn biển thể thao nói riêng. Tuy nhiên, còn gặp nhiều khó khăn khi nhập khẩu trang thiết bị, đặc biệt khi khai báo thực sự còn gặp khó khăn nếu thiết bị thuộc hành hóa Nhóm 2 cần phải được công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng liên quan đến quá trình sản xuất, sản phẩm cuối cùng bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận (tại khoản 2, điều 34 Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa).

Như vậy, có thể thấy việc nhập khẩu trang thiết bị thể thao còn hạn chế, bất cập và khó khăn để có thể đến tay người sử dụng một cách hợp quy và đảm bảo tính pháp lý cũng như an toàn cần đặt ra càng sớm càng tốt, để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp nhập khẩu trang thiết bị một cách thuận lợi.

Tuy nhiên, khi khảo sát tại các đơn vị kiểm tra, kiểm định, đánh giá các tiêu chuẩn, hợp quy hầu hết các đơn vị vẫn còn đang hoàn thiện năng lực thử nghiệm về trang thiết bị TDDT.

Đối với những đơn vị, địa điểm bán các trang thiết bị tập luyện thể thao khi được hỏi về các sản phẩm đã phản hồi cho thấy có rủi ro, mất mát trong quá trình bảo quản, lưu trữ sản phẩm, vì không phải tất cả các sản phẩm đều được bán ngay khi nhập hàng. Việc bán hàng cũng tùy từng nhu cầu sử dụng và điều kiện kinh tế của từng đối tượng khi tiếp cận sản phẩm, do vậy việc bán hàng cần có nhiều mặt hàng phong phú, đa dạng, nhiều chủng loại, nhiều mức giá tương ứng với chất lượng khác nhau, điều này cũng dẫn đến rủi ro, khó khăn trong quá trình bảo quản thiết bị.

Từ thực trạng trên rất cần những yêu cầu an toàn trên kết hợp với việc nghiên cứu tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, từ đó xác định các tiêu chí kỹ thuật, lấy mẫu thử nghiệm tính an toàn của thiết bị trong điều kiện trang thiết bị đó lưu

hành tại điều kiện khí hậu và thể trạng con người Việt Nam để xác định mức độ phù hợp, chuẩn xác của các tiêu chí kỹ thuật QCVN về an toàn đối với trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao là một vấn đề cấp thiết cần phải đặt ra.

Đây là cơ sở để các cơ quan quản lý làm căn cứ xây dựng Thông tư để hướng dẫn cho cá nhân và tổ chức trong quá trình sản xuất, kinh doanh, sử dụng, từ đó đảm bảo quyền lợi của người sử dụng về yếu tố an toàn, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm tập luyện, thi đấu; đối với người tiêu dùng, quy chuẩn này sẽ giúp họ giảm bớt tổn kém về thời gian và tiền bạc khi quyết định lựa chọn sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; sẽ là công cụ bảo vệ họ khi quyền lợi họ bị xâm phạm khi mua phải sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ kém chất lượng; đối với doanh nghiệp, quy chuẩn không chỉ mang lại các lợi ích nội tại (giảm chi phí sản xuất và nghiên cứu, giảm tỷ lệ sản phẩm phi tiêu chuẩn và mức độ rủi ro, tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin, ...) mà còn mang lại những lợi ích về cải thiện mối quan hệ với nhà cung cấp, nâng cao vị thế cạnh tranh, thúc đẩy hợp tác, liên kết trong sản xuất - kinh doanh; đảm bảo với khách hàng về sự phù hợp của sản phẩm với yêu cầu chất lượng chấp nhận.

Hiện tại các doanh nghiệp của Việt Nam và cơ quan quản lý đang cần kiểm soát các vấn đề về chất lượng của hệ thống thiết bị lưu thông trên thị trường và sử dụng tại các cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Các thiết bị thể thao không chỉ phục vụ cho vận động viên chuyên nghiệp mà còn đáp ứng cho nhu cầu tập luyện của đông đảo quần chúng nhân dân, phù hợp với yêu cầu của Chiến lược phát triển TDTT nhằm phục vụ phát triển thể dục thể thao quần chúng, thể thao giải trí, đẩy mạnh phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học, đảm bảo yêu cầu phát triển con người toàn diện, làm nền tảng phát triển thể thao thành tích cao..

Chuẩn hóa hệ thống thiết bị tập luyện thể thao đang là một trong những nhiệm vụ rất cần thiết trong tình hình thể thao nước ta hiện nay, nhằm nâng cao và đảm bảo tính an toàn cho người tập và vận động viên thể thao.

### **3.2 Tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cam kết quốc tế liên quan đến dự án xây dựng QCVN:**

- EU có luật pháp chung cho sự an toàn của sản phẩm: Chỉ thị 2001/95/EC cấm việc bán những sản phẩm nguy hiểm cho sức khỏe người tiêu dùng gây ra bởi chất liệu nguy hiểm hay sản xuất không an toàn. Chỉ thị này được áp dụng cho tất cả sản phẩm trên thị trường hàng hàng tiêu dùng. Đây là chỉ thị khung, và nó được bổ sung thêm bởi những chỉ thị cụ thể hơn cho từng nhóm hàng cụ thể. Chỉ thị an toàn sản phẩm chung 2001/95/EC áp đặt một yêu cầu an toàn chung cho bất kỳ sản phẩm nào được tung ra hoặc có khả năng được sử dụng bởi người tiêu dùng. Điều này bao gồm tất cả các sản phẩm cung cấp dịch vụ.

- Liên quan đến vấn đề an toàn và phương pháp thử đối với hệ thống thiết bị sử dụng trong hoạt động lặn biển, Ban kỹ thuật tiêu chuẩn CEN/TC36 Sports, playground and other recreational facilities and equipment (Thể thao, sân chơi và các phương tiện và thiết bị giải trí khác) đã phát triển các tiêu chuẩn, gồm:



+ EN12628:1999/AC:2000 Diving accessories - Combined buoyancy and rescue devices - Functional and safety requirements, test methods (*Phụ kiện lặn - Thiết bị nổi và cứu hộ kết hợp - Yêu cầu về chức năng, an toàn và phương pháp thử*).

+ EN13319:2000 Diving accessories - Depth gauges and combined depth and time measuring devices - Functional and safety requirements, test methods (*Phụ kiện lặn - Máy đo độ sâu và các thiết bị kết hợp đo độ sâu và thời gian - Yêu cầu về chức năng, an toàn và phương pháp thử*).

+ EN16804:2015 Diving equipment - Diving open heel fins - Requirements and test methods (*Thiết bị lặn - Chân vịt lặn hở gót - Yêu cầu và phương pháp thử*)

+ EN1809:2014+A1:2016 Diving equipment - Buoyancy compensators - Functional and safety requirements, test methods (*Thiết bị lặn - Bộ bù nổi - Yêu cầu về chức năng, an toàn và phương pháp thử*).

+ EN1972:2015 Diving equipment - Snorkels - Requirements and test methods (*Thiết bị lặn - Ống thở - Yêu cầu và phương pháp thử*)

- Bên cạnh hệ thống tiêu chuẩn về an toàn và phương pháp thử đối với hệ thống thiết bị sử dụng trong hoạt động lặn biển, Liên đoàn dưới nước châu Âu quyết định đưa ra các quy tắc chung của châu Âu về đào tạo thợ lặn và người hướng dẫn, Ban kỹ thuật của châu Âu CEN/TC 329 Tourism services (Dịch vụ du lịch), trên cơ sở kế thừa tiêu chuẩn Áo, đã phát triển các tiêu chuẩn này trở thành tiêu chuẩn Châu Âu, với khoảng 35 đại diện từ 17 quốc gia, gồm:

+ EN 14153-1:2004 Recreational diving services -- Requirements for the training of recreational scuba divers -- Part 1: Level 1 -- Supervised diver (*Dịch vụ lặn giải trí -- Yêu cầu đào tạo thợ lặn giải trí - Phần 1: Cấp 1 --Thợ lặn giám sát*).

+ EN 14153-2:2004 Recreational diving services -- Safety related minimum requirements for the training of recreational scuba divers -- Part 2: Level 2 -- Autonomous diver (*Dịch vụ lặn giải trí -- Yêu cầu đào tạo thợ lặn giải trí -- Phần 2: Cấp độ 2 - Thợ lặn tự do*).

+ EN 14153-3:2004 Recreational diving services -- Requirements for the training of recreational scuba divers -- Part 3: Level 3 -- Dive leader (*Dịch vụ lặn giải trí -- Yêu cầu đào tạo thợ lặn giải trí -- Phần 3: Cấp độ 3 – Người hướng dẫn lặn*).

+ EN 14413-1:2004 Recreational diving services -- Requirements for the training of scuba instructors -- Part 1: Level 1 (*Dịch vụ lặn giải trí -- Yêu cầu đào tạo giáo viên hướng dẫn lặn -- Phần 1: Cấp 1*).

+ EN 14413-2 E:2004 Recreational diving services -- Requirements for the training of scuba instructors -- Part 2: Level 2 (*Dịch vụ lặn giải trí -- Yêu cầu đào tạo giáo viên hướng dẫn lặn -- Phần 2: Cấp độ 2*).

+ EN 14467:2004 Recreational diving services -- Requirements for the recreational scuba diving service providers (*Dịch vụ lặn giải trí -- yêu cầu đối với các nhà cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực lặn biển giải trí*).

- Liên quan đến đào tạo thợ lặn và người hướng dẫn, Ban kỹ thuật ISO/TC 228 Tourism and related services (Du lịch và các dịch vụ liên quan) đã công bố 11 tiêu chuẩn ISO, trong đó xác định các tiêu chuẩn đào tạo tối thiểu cho hai cấp độ của thợ lặn giải trí, cho người hướng dẫn lặn giải trí và các chương trình hướng dẫn lặn biển, gồm:

+ ISO 24801-1:2007 Recreational diving services -- Requirements for the training of recreational scuba divers -- Part 1: Level 1 -- Supervised diver (*Dịch vụ lặn giải trí -- Yêu cầu đào tạo thợ lặn giải trí - Phần 1: Cấp 1 --Thợ lặn có giám sát*).

+ ISO 24801-2:2007 Recreational diving services -- Safety related minimum requirements for the training of recreational scuba divers -- Part 2: Level 2 -- Autonomous diver (*Dịch vụ lặn giải trí -- Yêu cầu đào tạo thợ lặn giải trí -- Phần 2: Cấp độ 2 - Thợ lặn tự do*).

+ ISO 24801-3:2007 Recreational diving services -- Requirements for the training of recreational scuba divers -- Part 3: Level 3 -- Dive leader (*Dịch vụ lặn giải trí -- Yêu cầu đào tạo thợ lặn giải trí -- Phần 3: Cấp độ 3 – Người hướng dẫn lặn*).

+ ISO 24802-1:2007 Recreational diving services -- Requirements for the training of scuba instructors -- Part 1: Level 1 (*Dịch vụ lặn giải trí -- Yêu cầu đào tạo giáo viên hướng dẫn lặn -- Phần 1: Cấp 1*).

+ ISO 24802-2:2007 Recreational diving services -- Requirements for the training of scuba instructors -- Part 2: Level 2 (*Dịch vụ lặn giải trí -- Yêu cầu đào tạo giáo viên hướng dẫn lặn -- Phần 2: Cấp độ 2*).

+ ISO 11107:2009 Recreational diving services - Requirements for training programmes on enriched air nitrox (EAN) diving (*Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với chương trình đào tạo sử dụng bình nén khí làm giàu oxy (enriched air nitrox - EAN)*

+ ISO 11121:2017 Recreational diving services - Requirements for introductory programmes to scuba diving (*Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với các chương trình giới thiệu để lặn biển*).

+ ISO 24803:2017 Specifies requirements for service providers in the field of recreational scuba diving and snorkelling excursions (*Quy định các yêu cầu đối với các nhà cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực lặn biển giải trí và lặn với ống thở*).

+ ISO 13289:2011 Recreational diving services -- Requirements for the conduct of snorkelling excursions (*Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với việc tổ chức lặn ống thở ngắm cảnh*)

+ ISO 13970:2011 Recreational diving services -- Requirements for the training of recreational snorkelling guides (*Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với việc đào tạo hướng dẫn viên lặn ống thở giải trí*)

+ ISO 13293:2012 Recreational diving services -- Requirements for gas blender training programmes (*Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với chương trình đào tạo người thực hiện trộn khí nén hỗn hợp*)

+ ISO 21416:2019 Recreational diving services - Requirements and guidance on environmentally sustainable practices in recreational diving (*Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu và chỉ dẫn thực hành đảm bảo môi trường bền vững trong lặn giải trí*)

+ ISO 21417:2019 Recreational diving services -- Requirements for training on environmental awareness for recreational divers (*Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với đào tạo về ý thức môi trường cho thợ lặn giải trí*).

- Hy Lạp là một trong những nước đầu tiên áp dụng các tiêu chuẩn, và cấp chứng nhận tại các trung tâm đào tạo lặn. Tương tự, khi Ai Cập thực hiện ISO 24804 cho các nhà cung cấp dịch vụ lặn biển giải trí bắt buộc, hơn 600 trung tâm lặn bắt đầu được kiểm toán hàng năm. Chỉ sau hai năm, Ai Cập đã báo cáo giảm 24% số vụ tai nạn lặn. Ngoài ra, một số nước trong khối Châu Âu cũng đã phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trên cơ sở chấp nhận tương đương 11 tiêu chuẩn ISO, như:

+ Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia Ireland đã công bố: I.S. EN ISO 24801-1:2007; I.S. EN ISO 24801-2:2007; I.S. EN ISO 24801-3:2007; I.S. EN ISO 24802-1:2007; I.S. EN ISO 24802-2:2007; I.S. EN ISO 11121:2017; I.S. EN ISO 24803:2017

+ Viện Tiêu chuẩn Anh đã công bố: BS. EN ISO 24801-1:2007; BS. EN ISO 24801-2:2007; BS. EN ISO 24801-3:2007; BS. EN ISO 24802-1:2007; BS. EN ISO 24802-2:2007; BS. EN ISO 11121:2017; BS. EN ISO 24803:2017

+ Tiêu chuẩn Thụy Sĩ đã công bố: SN. EN ISO 24801-1:2007; SN. EN ISO 24801-2:2007; SN. EN ISO 24801-3:2007; SN. EN ISO 24802-1:2007; SN. EN ISO 24802-2:2007; SN. EN ISO 11121:2017; SN. EN ISO 24803:2017

+ Tiêu chuẩn Hà Lan đã công bố: NEN EN ISO 24801-1:2007; NEN EN ISO 24801-2:2007; NEN EN ISO 24801-3:2007; NEN EN ISO 24802-1:2007; NEN EN ISO 24802-2:2007; NEN EN ISO 11121:2017; NEN EN ISO 24803:2017

+ Viện Tiêu chuẩn Đức: DIN EN ISO 24801-1:2007; DIN EN ISO 24801-2:2007; DIN EN ISO 24801-3:2007; DIN EN ISO 24802-1:2007; DIN EN ISO 24802-2:2007; DIN EN ISO 11121:2017; DIN EN ISO 24803:2017

+ Tổ chức quốc tế ngữ: UNE. EN ISO 24801-1:2007; UNE. EN ISO 24801-2:2007; UNE. EN ISO 24801-3:2007; UNE. EN ISO 24802-1:2007; UNE. EN ISO 24802-2:2007; UNE. EN ISO 11121:2017; UNE. EN ISO 24803:2017.

Khó khăn chung đối với việc tiếp cận các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của EU và các quốc gia trên là do khác biệt ngôn ngữ và vấn đề bảo hộ trí tuệ. Các quy định nêu trên cũng chưa được tổ chức nào đứng ra tổng hợp, thống kê, phổ biến tại Việt Nam.

#### **4. Lý do và mục đích xây dựng QCVN:**

##### **4.1. Lý do xây dựng QCVN:**

**Lặn giải trí** hoặc **lặn thể thao** là lặn với mục đích giải trí và sử dụng các thiết bị. Thuật ngữ "lặn giải trí" có thể được hiểu là hình thức *lặn biển cho mục đích giải trí, trong đó thợ lặn không bị hạn chế thực hiện trực tiếp gần thẳng đứng lên trên bề mặt tại bất kỳ điểm nào trong quá trình lặn*. Thuật ngữ này cũng có thể được sử dụng trái ngược với thuật ngữ "lặn kỹ thuật", một hình thức đòi hỏi khắt khe hơn so với lặn giải trí và đòi hỏi mức độ đào tạo, kinh nghiệm và thiết bị cao hơn để ứng phó với các điều kiện nguy hiểm. Các thiết bị được sử dụng cho lặn giải trí chủ yếu là lặn mạch hở, mặc dù các bộ tái tạo mạch kín điện tử bán kín và hoàn toàn tự động có thể được bao gồm trong phạm vi lặn giải trí. Người tham gia lặn biển có thể bị trầy xước, nguy cơ tai biến rất cao do áp lực của nước, chết đuối do nguồn cung cấp khí thở bị hỏng.

Đối tượng quản lý đối với hoạt động lặn biển thể thao hiện nay chủ yếu là hoạt động lặn biển do các cơ sở kinh doanh hoạt động lặn biển đứng ra tổ chức. Các hoạt động thi đấu môn thể thao lặn biển trước đây từng được tổ chức thử nghiệm ở Việt Nam nhưng quy mô nhỏ và dừng tự nhiều năm nay. Hoạt động tập luyện lặn biển chủ yếu diễn ra ở các cơ sở đào tạo huấn luyện viên, hướng dẫn viên lặn biển. Việc xây dựng QCVN cần căn cứ vào đối tượng quản lý và thực tiễn hoạt động lặn biển thể thao trong nước để xây dựng.

Hiện tại các doanh nghiệp của Việt Nam và cơ quan quản lý đang cần kiểm soát các vấn đề về chất lượng, các cơ sở tập luyện và thi đấu thể thao yêu cầu về quản lý an toàn đối với các thiết bị Lặn biển thể thao được sử dụng tại các cơ sở tập luyện, cơ sở giải trí và thi đấu môn Lặn biển thể thao nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Nghị định số 78/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Điều 1 Khoản 7. Sửa đổi, bổ sung khóa 1 Điều 23. Phân công trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành, đối với trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có nội dung liên quan đến Trang thiết bị tập luyện, thi đấu thể dục thể thao.

Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao Điều 14. Cơ sở vật chất, trang thiết bị quy định "Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao phải có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành."

Để triển khai trách nhiệm đã được quy định tại Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ, cũng như đáp ứng nhu cầu kiểm soát chất lượng của các trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì việc triển khai xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao là cần thiết.

#### **4.2. Mục đích xây dựng QCVN:**

Từ những yêu cầu an toàn trên kết hợp với việc nghiên cứu tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, từ đó xác định các tiêu chí kỹ thuật, lấy mẫu thử nghiệm tính an toàn của thiết bị trong điều kiện trang thiết bị đó lưu hành tại điều kiện khí hậu và thể trạng con người Việt Nam để xác định mức độ phù hợp, chuẩn xác của các tiêu chí kỹ thuật trong nội dung dự thảo QCVN; làm cơ sở để các cơ quan quản lý làm căn cứ xây dựng Thông tư để hướng dẫn cho cá nhân và tổ chức trong quá trình sản xuất và sử dụng, từ đó đảm bảo quyền lợi của người sử dụng về yếu tố an toàn, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm tập luyện, thi đấu; Bảo đảm chất lượng và an toàn sản phẩm: Quy chuẩn kỹ thuật xác định các yêu cầu về chất lượng và an toàn cho các sản phẩm và dịch vụ. Nhờ đó, người dùng có thể tin tưởng và sử dụng các sản phẩm một cách an toàn và hiệu quả, giảm bớt tốn kém về thời gian và tiền bạc khi quyết định lựa chọn sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ, sẽ là công cụ bảo vệ họ khi quyền lợi của họ bị xâm phạm khi mua phải sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ kém chất lượng; Thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo sự công bằng trong cạnh tranh: đối với doanh nghiệp, quy chuẩn không chỉ mang lại các lợi ích nội tại (giảm chi phí sản xuất và nghiên cứu, giảm tỷ lệ sản phẩm phi tiêu chuẩn và mức độ rủi ro, tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin,...) mà còn mang lại những lợi ích về cải thiện mối quan hệ với nhà cung cấp, nâng cao vị thế cạnh tranh, thúc đẩy sự hợp tác, liên kết trong sản xuất - kinh doanh; đảm bảo với khách hàng về sự phù hợp của sản phẩm với yêu cầu chất lượng chấp nhận. Quy chuẩn kỹ thuật giúp tạo ra một sân chơi công bằng cho các doanh nghiệp, đảm bảo rằng tất cả đều tuân theo các yêu cầu chất lượng và hiệu suất tương tự, các quy chuẩn giúp tạo ra sự thống nhất trong quá trình sản xuất và kinh doanh, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp và kinh tế cả nước.

## **5. Sở cứ xây dựng các yêu cầu kỹ thuật**

5.1. Tổng hợp, phân tích các tiêu chuẩn quốc tế, tài liệu kỹ thuật, các kết quả nghiên cứu liên quan tới đối tượng QCVN.

Để có căn cứ đánh giá một cách khách quan về đối tượng QCVN về an toàn đối với trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển, cần phải tiến hành điều tra khảo sát thực tế về mức độ rủi ro của đối tượng xây dựng QCVN trong và ngoài nước, thực trạng khả năng thử nghiệm, kiểm định chất lượng; thực trạng năng lực các đơn vị chứng nhận hợp quy. Ban biên soạn đã sử dụng kết quả khảo sát tại 3 tỉnh thành: Quảng Ninh, Khánh Hòa và Kiên Giang cho thấy: lấy 300 ý kiến đơn vị, tổ chức các nhân có liên quan đến đối tượng QCVN trong việc đánh giá về khảo sát về mức độ rủi ro trong quá trình sử dụng. Bộ VHTTDL đã triển khai thực hiện xây dựng TCVN về đào tạo thợ lặn và người hướng dẫn. Đây là những sản phẩm đã được công bố các tiêu chuẩn quốc gia TCVN. Đó là

TCVN 13825:2023, Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với chương trình đào tạo lặn sử dụng bình nén hỗn hợp khí giàu oxy (EAN),

TCVN 13826:2023, Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với việc đào tạo hướng dẫn viên lặn có ống thở với mục đích giải trí,

TCVN 13827:2023, Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với việc tổ chức lặn có ống thở với mục đích du ngoạn,

TCVN 13828:2023, Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với chương trình đào tạo người trộn khí hỗn hợp,

TCVN 13829:2003 ISO 21416:2019, Dịch vụ lặn giải trí – Yêu cầu

TCVN 13831:2023, Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với nhà cung cấp dịch vụ lặn với mục đích giải trí,

TCVN 13552-1:2003, Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đối với đào tạo thợ lặn có bình dưỡng khí với mục đích giải trí. Phần 1: cấp độ 1 - Thợ lặn có giám sát,

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6551 (ISO 5145), Chai chứa khí - Đầu ra của van chai chứa khí và hỗn hợp khí - Lựa chọn và xác định kích thước.

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10362 (ISO 7866), Chai chứa khí - Chai chứa khí bằng hợp kim nhôm không hàn, nạp lại được – Thiết kế, cấu tạo và thử nghiệm.

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5181: 1990, Thiết bị nén khí - yêu cầu chung về an toàn,

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7742:2007 (ISO 10083:2006) về hệ thống làm giàu ô xy để sử dụng với hệ thống dẫn khí y tế,

QCVN: 01 - 2008/BLĐTBXH, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động nôi hơi và bình chịu áp lực.

## **5.2. Căn cứ pháp lý triển khai, xây dựng QCVN**

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 78/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

- Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết biện pháp thi hành một số điều Nghị định

số 132/2008/NĐ- CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ.

- Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN ngày 31/10/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp.

- Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và được sửa đổi, bổ sung tại thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 (*sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 28/2012/tt-bkhn ngày 12 tháng 12 năm 2012 của bộ trưởng bộ khoa học và công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*).

## **6. Quá trình xây dựng dự thảo QCVN:**

Thực hiện Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật này, Cục Thể dục thể thao đã tiến hành các hoạt động cần thiết cho việc soạn thảo Thông tư ban hành QCVN và Dự thảo QCVN về an toàn trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao, cụ thể như sau:

**6.1.** Thành lập Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao:

Căn cứ Quyết định số 3401/QĐ-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt nội dung và kinh phí các dự án xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia năm 2021-2022, trong đó giao Cục thể dục thể thao thực hiện xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN về an toàn trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao trong 02 (hai) năm 2022-2023, Cục Thể dục thể thao đã chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đến triển khai việc soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, Văn phòng Cục Thể dục thể thao ban hành Quyết định số 52/QĐ-VP thành lập Ban soạn thảo gồm 15 thành viên và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban biên soạn.

**6.2.** Nghiên cứu, xây dựng các Báo cáo chuyên môn, báo cáo đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến việc quản lý sản phẩm thiết bị tập luyện tại chỗ, cụ thể:

+ Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cam kết quốc tế liên quan đến dự án xây dựng QCVN;

+ Báo cáo đánh giá thực trạng quản lý nhà nước và mức độ rủi ro của đối tượng xây dựng QCVN trong và ngoài nước;

+ Báo cáo năng lực của các đơn vị có chức năng thử nghiệm, kiểm định chất lượng; báo cáo phân tích năng lực và chỉ định các đơn vị chứng nhận hợp quy.

**6.3.** Xây dựng Quy chuẩn về an toàn trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao; nghiên cứu, đánh giá tác động kinh tế, xã hội của dự thảo QCVN

**6.4.** Tổ chức khảo sát thực tiễn về sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu và sử dụng hiện lưu thông trên thị trường, cụ thể:

- Địa điểm khảo sát: tại 3 thành phố: Quảng Ninh, Kiên Giang, Khánh Hòa.

- Phạm vi đối tượng xây dựng QCVN: Các tổ chức, cá nhân kinh doanh thiết bị và kinh doanh hoạt động Lặn biển thể thao tại 3 tỉnh/thành.

**6.5.** Gửi xin ý kiến tới các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ: Ngày 05/4/2024, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Công văn số 1420/BVHTTDL-KHCNMT về việc gửi dự thảo và thuyết minh dự thảo QCVN đến các đơn vị liên quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lấy ý kiến lần 1. Ban Biên soạn đã gửi Dự thảo và Thuyết minh Dự thảo QCVN lần 1, Phiếu xin ý kiến góp ý kèm theo Công văn số 1420/BVHTTDL-KHCNMT đến các đơn vị liên quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lấy ý kiến đối với Hồ sơ dự thảo QCVN.

Sau 30 ngày gửi Hồ sơ dự thảo QCVN về an toàn trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao, Ban biên soạn đã nhận được 14/14 phiếu. trong đó có 11/14 phiếu ý kiến đồng ý nhất trí với Dự thảo Thông tư ban hành QCVN, Dự thảo QCVN và Thuyết minh dự thảo QCVN. Có 03/14 phiếu ý kiến bổ sung và điều chỉnh về liên quan như: cách trình bày, chính tả và các nội dung liên quan về mặt chuyên môn.

Sau khi họp tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo các nội dung góp ý, Ban Biên soạn thống nhất Dự thảo và Thuyết minh dự thảo QCVN lần 2 và đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) làm thủ tục xin ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để lấy ý kiến cho Dự thảo và Thuyết minh **Dự thảo lần 2**

## **7. Bố cục và nội dung cơ bản của Dự thảo**

**7.1.** Về bố cục dự thảo Thông tư ban hành QCVN về an toàn trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao:

Dự thảo Thông tư gồm 4 điều:

Điều 1, Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn an trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao (QCVN xx: 202.../BVHTTDL).

Điều 2, hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 202x

Điều 3, lộ trình áp dụng



Điều 4, quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thi hành thông tư.

## 7.2. Về nội dung cơ bản của dự thảo QCVN

Dự thảo QCVN về an toàn trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao gồm 5 mục, cụ thể:

Mục 1, Quy định chung;

Mục 2, Quy định Kỹ thuật;

Mục 3, Quy định về quản lý;

Mục 4, Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan;

Mục 5, Tổ chức thực hiện.

## 8. Bảng đối chiếu nội dung quy chuẩn quốc gia với tài liệu tham khảo

| <b>Nội dung quy chuẩn quốc gia</b> | <b>Nội dung tài liệu tham khảo</b>  | <b>Phương thức thực hiện</b>    |
|------------------------------------|---|---------------------------------|
| Tên quy chuẩn                      |   |                                 |
| Lời nói đầu                        |   |                                 |
| <b>PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG</b>      |   | Theo quy định tại TCVN 1-2:2008 |
| 1.1. Phạm vi điều chỉnh            | 1.1.1. Quy chuẩn kỹ thuật này quy định các yêu cầu an toàn trang thiết bị môn lặn biển thể thao.<br><br>1.1.2. Quy chuẩn này không áp dụng đối với hoạt động lặn biển cứu hộ, lặn biển thám hiểm và các loại hình lặn biển khác không gắn với hoạt động thể thao. |                                 |
| 1.2. Đối tượng áp dụng             | Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phân phối, bán lẻ thiết bị lặn biển thể thao, các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động lặn biển thể thao, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.    |                                 |
| 1.3. Giải thích từ ngữ             | 22 thuật ngữ được sử dụng trong quy chuẩn này   |                                 |

| Nội dung quy chuẩn quốc gia                       | Nội dung tài liệu tham khảo   | Phương thức thực hiện |
|---|---|-----------------------|
| 2. Quy định về kỹ thuật                           |   |                       |
| <b>2.1. Vùng hoạt động lặn</b>                    | <p>Vùng hoạt động lặn biển được xác định là vùng biển được chính quyền hành chính quy định mà trong đó ít nhất phải xác định được các yếu tố dưới đây: 1) Độ sâu quanh vùng hoạt động; 2) Dòng chảy quanh vùng hoạt động; 3) Các chướng ngại vật quanh vùng hoạt động; 4) Các sai khác của vùng hoạt động; 5) Mật độ tàu thuyền lưu thông trên mặt nước; 6) Việc xả chất thải lên mặt nước; 7) Khoảng cách đến bờ.</p>  |                       |
| <b>2.2. Khu vực tiến hành hoạt động lặn biển:</b> | <p>Khu vực tiến hành hoạt động lặn biển nằm trong vùng hoạt động lặn và đảm bảo các điều kiện sau đây:</p> <p>2.2.1. Khu vực hoạt động lặn biển phải được cách ly với các hoạt động đường thủy và các hoạt động khác trên biển để đảm bảo an toàn cho người lặn.</p> <p>2.2.2. Khu vực lặn biển phải có đầy đủ hệ thống phao tiêu, biển báo được định vị phù hợp với tọa độ trên hải đồ. Phao tiêu, biển báo phải có màu sắc tương phản với màu nước và cảnh quan môi trường để dễ quan sát.</p> <p>2.2.3. Độ sâu của khu vực lặn biển: Khu vực lặn biển sâu với bình dưỡng khí có độ sâu tối đa không quá 30m. Khu vực lặn biển giải trí với mũ lặn có độ sâu tối đa không quá 10m.</p> <p>2.2.4. Có bảng nội quy lặn biển quy định các nội dung chủ yếu về giờ tập luyện, các đối tượng không được tham gia, trang phục khi tham gia, biện pháp đảm bảo</p> |                       |

| Nội dung quy chuẩn quốc gia                    | Nội dung tài liệu tham khảo  | Phương thức thực hiện |
|--|--|-----------------------|
|  | <p>an toàn.</p> <p>2.2.5. Có sổ theo dõi người lặn biển bao gồm những nội dung chủ yếu: Họ và tên, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc căn cước công dân, tình trạng sức khỏe của người lặn biển, địa chỉ và số điện thoại liên hệ khi cần thiết.</p> <p>2.2.6. Có các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phòng cháy, chữa cháy.</p> <p>2.2.7. Bố trí trang thiết bị y tế, nhân viên y tế và phương tiện cấp cứu khi xảy ra tai nạn, chấn thương.</p> <p>2.2.8. Có thang dẫn lối cho người lặn xuống nước và hỗ trợ người lặn lên khỏi mặt nước.</p> <p>2.2.9. Có nhân viên hướng dẫn lặn được đào tạo qua các khóa đào tạo đáp ứng yêu cầu của TCVN 13826 (ISO 13970), TCVN 13831 (ISO 24803), TCVN 13551 (ISO 11121).</p> |                       |
| <p><b>2.3. Bộ quần áo lặn lặn.</b></p>         | <p>2.3.1. Bộ quần áo lặn được làm bằng vật liệu cao su hoặc neopren, có khả năng co giãn, bó sát thân hình người lặn.</p> <p>2.3.2. Độ dày của bộ quần áo lặn tối thiểu là 3mm, không bị thủng, rách.</p> <p>2.3.3. Cơ sở lặn biển phải bố trí ít nhất 20 bộ quần áo lặn; cung cấp bộ quần áo lặn có kích cỡ phù hợp với cơ thể người</p>  |                       |
| <p><b>2.4. Bộ thiết bị cân bằng độ nổi</b></p> | <p>2.4.1. Bộ thiết bị cân bằng độ nổi phải bao gồm tối thiểu các phần: phần áo phao gồm các túi khí, có van thông hơi giữa các túi khí để tích và xả không khí bên trong;</p>  |                       |

| Nội dung quy chuẩn quốc gia             | Nội dung tài liệu tham khảo  | Phương thức thực hiện |
|---|--|-----------------------|
|   | <p>phần dây đai đeo ngực người lặn, có móc khóa và đai đeo các phụ kiện lặn; phần ống thổi khí kết hợp van xả để điều tiết độ nổi.</p> <p>2.4.2. Bộ thiết bị cân bằng độ nổi phải có kết cấu sao cho áp suất bên trong cân bằng với áp suất bên ngoài khi người lặn ở dưới mặt nước.</p>   |                       |
| <p><b>2.5. Mặt nạ lặn, kính lặn</b></p> | <p>2.5.1. Mặt nạ lặn bao gồm các phần: phần mắt kính bằng nhựa an toàn; phần thân mặt nạ bằng cao su tổng hợp, có bảo vệ mũi; phần dây đeo bằng cao su tổng hợp hoặc vải tổng hợp, có khóa cài và dây rút. Kết cấu của phần mắt kính và bảo vệ mũi của mặt nạ lặn phải đảm bảo phù hợp trong trường hợp người lặn dùng tay (có đeo bao tay) để bịt mũi.</p> <p>2.5.2. Kính lặn gồm phần mắt kính bằng nhựa an toàn và dây đeo bằng cao su tổng hợp hoặc vải tổng hợp, có khóa cài và dây rút.</p> <p>2.5.3. Phần kính của mặt nạ lặn và mắt kính phải đảm bảo độ nhìn 180 độ, không bị che khuất và không bị mờ, xước, thủng lỗ.</p> <p>2.5.4. Mặt nạ lặn biển gắn với ống thở phải có kết cấu phần thân mặt nạ bó sát gương mặt người lặn, chống lọt nước, có van một chiều để thở.</p> <p>2.5.5. Mặt nạ biển gắn với bình dưỡng khí phải có ngàm thở với van một chiều và bộ điều tiết lưu lượng khí qua van để phù hợp với độ sâu của môi trường nước biển.</p> |                       |
| <p><b>2.6. Chân vịt</b></p>             | <p>2.6.1. Chân vịt lặn biển phải có kết cấu gồm phần cánh bằng vật</p>   |                       |

| Nội dung quy chuẩn quốc gia       | Nội dung tài liệu tham khảo   | Phương thức thực hiện |
|-----------------------------------|---|-----------------------|
|                                   | <p>liệu bền, cứng để tạo lực sóng mạnh đẩy người lặn đi xa trong môi trường nước; phần bao đeo chân bằng vật liệu nhựa cứng, có đai gót để điều chỉnh bó sát chân người lặn.</p> <p>2.6.2. Chân vịt lặn biển có nhiều kích cỡ khác nhau và phân thành nhiều loại: chân vịt lặn nước sâu, chân vịt lặn tự do. Cơ sở lặn biển cung cấp chân vịt lặn biển phù hợp với loại hình lặn biển và cỡ chân của người lặn.</p>   |                       |
| <p><b>2.7. Bình dưỡng khí</b></p> | <p>2.7.1. Bình dưỡng khí phải có vỏ bằng kim loại chịu áp suất nén tối thiểu 200 bar; được lắp với van chặn, ống dẫn lưu tự động, đồng hồ đo áp lực và van giảm áp; có dây đai đeo lưng hoặc gắn với bộ thiết bị cân bằng độ nổi.</p> <p>2.7.2. Kết cấu của bình dưỡng khí phải đáp ứng TCVN 10362 (ISO 7866) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN:01-2008/BLĐTBXH</p> <p>2.7.3. Dưỡng khí sạch chứa trong bình dưỡng khí là hỗn hợp khí giàu oxy (EAN) the TCVN 13825 và phải đảm bảo đạt được các yêu cầu tối thiểu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng nồng độ dầu &lt;0.5mg/m<sup>3</sup>;</li> <li>- Tổng nồng độ CO<sub>2</sub> &lt;500ml/m<sup>3</sup> (ppm);</li> <li>- Tổng nồng độ carbon oxit (CO) &lt; 5ml/m<sup>3</sup> (ppm);</li> <li>- Tổng nồng độ Oxy 21% (+-1%) theo thể tích;</li> <li>- Tổng nồng độ hơi nước &lt;50mg/m<sup>3</sup> (đối với bình 200 bar) và &lt;35mg/m<sup>3</sup> (đối với bình &gt;200 bar).</li> </ul> |                       |

| Nội dung quy chuẩn quốc gia                          | Nội dung tài liệu tham khảo  | Phương thức thực hiện |
|--|--|-----------------------|
|  | 2.7.4. Bình dưỡng khí phải được kiểm định theo quy định pháp luật và sử dụng trong thời hạn kiểm định.   |                       |
| <b>2.8. Các thiết bị hỗ trợ lặn</b>                  | <p>Tùy theo mục đích của hoạt động lặn, người lặn cần được trang bị các thiết bị hỗ trợ lặn sau đây:</p> <p>2.8.1. La bàn</p> <p>2.8.2. Máy tính lặn hoặc đồng hồ lặn</p> <p>2.8.3. Thiết bị đo áp suất</p> <p>2.8.4. Thiết bị báo hiệu mức áp suất</p> <p>2.8.5. Dây đai đeo chì và chì lặn</p> <p>2.8.6. Mũ lặn</p> <p>2.8.7. Đèn pin chống nước</p>   |                       |
| <b>2.9. Hệ thống cấp khí</b>                         | <p>2.9.1. Thiết bị nén khí phải đảm bảo đáp ứng TCVN 5181.</p> <p>2.9.2. Hệ thống cung cấp khí có máy làm giàu oxy phải phù hợp với TCVN 7742 (ISO 10083).</p> <p>2.9.3 Hệ thống phân phối khí ra nhiều đường ống dẫn khí riêng rẽ để cấp khí trực tiếp cho người lặn phải có bộ điều áp và thiết bị chia khí tự động.</p> <p>2.9.4. Dây dẫn cấp khí trực tiếp cho người lặn là dây dẫn mềm, có đường kính trong tối thiểu là 15mm; độ dài dẫn dây tối thiểu bằng <math>2 \times n</math> (<math>n</math> là khoảng cách từ đầu dây dẫn tới điểm lặn).</p> |                       |
| <b>2.10. Phương tiện phục vụ hoạt động lặn biển:</b> | 2.10.1. Phương tiện vận chuyển: cơ sở lặn biển phải bố trí phương tiện thủy nội địa vận chuyển người lặn biển, người hướng dẫn tập luyện, nhân viên cứu hộ và các trang thiết bị, dụng cụ lặn biển. Phương tiện vận chuyển   |                       |

| Nội dung quy chuẩn quốc gia                          | Nội dung tài liệu tham khảo   | Phương thức thực hiện   |
|--|---|---|
|  | <p>phải được kiểm định và cấp phép hoạt động theo quy định.</p> <p>2.10.2. Phương tiện tàu thuyền được sử dụng để cung cấp các dịch vụ lặn phải đáp ứng các quy trình hỗ trợ trên mặt nước và các điều khoản an toàn liên quan theo TCVN 13831 (ISO 24803).</p>   |   |
| <b>3. Quy định về quản lý</b>                        |   |   |
| 3.1. Điều kiện lưu thông trên thị trường             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với sản phẩm sản xuất: thực hiện công bố hợp quy.</li> <li>- Đối với sản phẩm nhập khẩu: thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước.</li> </ul>   | Thỏa mãn các yêu cầu về chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm  |
| 3.2. Quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy | <p>Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp</p> <p>Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành</p> <p>Thông tư số 27/2007/TT-BKHHCN ngày 31/10/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Thông tư số 27/2007/TT-BKHHCN).</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 “Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất” tại cơ sở sản xuất thiết bị lặn biển.</li> </ul> <p style="text-align: center;">Hoặc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 7 “Thử nghiệm mẫu đại diện, đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm, hàng hóa tại cơ sở sản xuất thiết bị Lặn biển trong trường hợp cơ sở sản xuất không thể áp dụng các yêu cầu đảm bảo chất lượng theo Phương thức 5”.</li> <li>- Đối với thiết bị nhập khẩu:</li> <li>- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 7 “Thử nghiệm mẫu đại diện, đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm, hàng hóa đối với từng lô thiết bị</li> </ul> |

| Nội dung quy chuẩn quốc gia  | Nội dung tài liệu tham khảo  | Phương thức thực hiện  |
|--|--|--|
|  |  | <p>Lặn biển nhập khẩu trong trường hợp lô thiết bị sử dụng chưa được chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 quy định tại quy chuẩn kỹ thuật này”.</p> <p>Hoặc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 tại cơ sở sản xuất tại nước ngoài khi có yêu cầu của cơ sở sản xuất nước ngoài theo quy định</li> </ul> |
| 3.3. Sử dụng dấu hợp quy   | Dấu hợp quy phải tuân thủ theo Khoản 2 Điều 4 của “Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy” ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN   |  |
| 3.4. Trình tự, thủ tục và hồ sơ công bố hợp quy  | Trình tự, thủ tục và hồ sơ công bố hợp quy đối với trang thiết bị Lặn biển thể thao trong nước và nhập khẩu thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN |  |
| <p><b>4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN</b></p> <p><b>4.1.</b> Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn này phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> |  |  |



| Nội dung quy chuẩn quốc gia  | Nội dung tài liệu tham khảo | Phương thức thực hiện |
|--|-----------------------------|-----------------------|
| <p><b>4.2.</b> Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn này phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Điều 2 và thực hiện quy định tại Điều 3 của Quy chuẩn kỹ thuật này.</p> <p><b>4.3.</b> Tổ chức, cá nhân sản xuất trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn này sau khi được chứng nhận hợp quy phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Cục Thể dục thể thao hoặc các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đăng ký kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.</p> <p><b>4.4.</b> Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn này có trách nhiệm cung cấp các bằng chứng về sự phù hợp của sản phẩm với quy chuẩn kỹ thuật này khi có yêu cầu hoặc khi được kiểm tra theo quy định đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường.</p> <p><b>4.5.</b> Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn này phải bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hoá đã được chứng nhận hợp quy và có gắn dấu hợp quy và nhãn phù hợp với các quy định hiện hành.</p> |                             |                       |
| <p><b>5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b></p> <p><b>5.1.</b> Cục Thể dục thể thao có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý chức năng có liên quan hướng dẫn và tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.</p> <p><b>5.2.</b> Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Cục Thể dục thể thao có trách nhiệm kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chuẩn kỹ thuật này phù hợp với thực tiễn.</p> <p><b>5.3.</b> Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản hiện hành. Trường hợp các tiêu chuẩn, mã HS viện dẫn tại quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của Cục Thể dục thể thao./.</p>  |                             |                       |

## 9. Ý kiến của các tổ chức có liên quan về QCVN

- Ý kiến của các tổ chức liên quan về dự thảo QCVN sau khi sin ý kiến lần 1: Đã nhận được 14/14 ý kiến từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan thuộc Bộ. Đã nghiên cứu các ý kiến đóng góp và tiếp thu giải trình (Bản tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý cho dự thảo Thông tư ban hành QCVN, dự thảo QCVN và thuyết minh dự thảo QCVN sau 30 ngày lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VH-TT-DL).

## 10. Khuyến nghị áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

**10.1.** Quy chuẩn này sau khi được thẩm định và công bố, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản giao nhiệm vụ cho Cục Thể dục thể thao tuyên truyền, phổ biến và có quy định việc áp dụng quy chuẩn này trong việc quản

lý về trang thiết bị sử dụng tại cơ sở hoạt động môn Lặn biển thể thao. Quy chuẩn này cũng được sử dụng để chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm khi nhập khẩu, sản xuất và lưu thông trên thị trường.

**10.2.** Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về nội dung của quy chuẩn này trên các xuất sản phẩm của ngành thể dục thể thao, Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trang tin điện tử của Cục Thể dục thể thao.

**10.3.** Hiệu quả dự kiến của việc áp dụng QCVN: Góp phần tăng cường năng lực quản lý nhà nước trong công tác quản lý hoạt động về lĩnh vực thể dục thể thao. Tuy nhiên, sau khi ban hành QCVN, cơ quan quản lý cần tiếp thu chỉnh sửa, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện QCVN.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024

**Trưởng Ban biên soạn**



**Tần Lê Minh**